TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Phạm Thị S, sinh năm: 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 08, ngõ 100, đường N, tổ 3, phường T, thành phố T1, tỉnh T1.

Nơi cư trú: Số nhà 27, ngõ 209, đường T, tổ 9, phường T, thành phố T1, tỉnh T1.

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Số nhà 08, ngõ 100, đường N, tổ 3, phường T, thành phố T1, tỉnh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/8/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1, tỉnh T1, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng tính cách

không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã. Chị S và anh C đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024. Nay chị S và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu thuận tình ly hôn của chị S và anh C là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn C có ba con chung là: Nguyễn Hải P sinh ngày 28/10/2002, Nguyễn Thành Đ sinh ngày 27/8/2009 và Nguyễn Phú T2 sinh ngày 16/12/2019.

Ly hôn, chị S và anh C thỏa thuận: Con Nguyễn Hải P đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị S trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Phú T2. Anh C tự nguyện cấp dưỡng cho con Nguyễn Thành Đ số tiền 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng), kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con Nguyễn Phú T2.

Sự thỏa thuận của chị S và anh C về nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung nên được chấp nhận.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn C phải nộp lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Con Nguyễn Hải P đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không đặt ra giải quyết. Chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thành Đ sinh ngày 27/8/2009 và Nguyễn Phú T2 sinh ngày 16/12/2019. Anh C cấp dưỡng cho con Nguyễn Thành Đ số tiền 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng), kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con Nguyễn Phú T2.

Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị S, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực

tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con, thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

(*Chuyển số tiền 300.000 đồng chị S và anh C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001118 ngày 04 tháng 01 năm 2024 sang thi hành lệ phí*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- UBND phường T, TP T1, tỉnh T1 (GCNKH số 49, quyển số 01, ngày 13/8/2001);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý